

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II - MÔN CÔNG NGHỆ 11 (CHĂN NUÔI)

Năm học 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Chọn đáp án đúng về nguồn lây nhiễm rất nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm.

- A. Người từ vùng khác đến.
- B. Các loài chim hoang dã.
- C. Các thiết bị công nghệ chưa đạt yêu cầu.
- D. Các loại thức ăn chế biến sẵn.

Câu 2: Cầu trùng gà là bệnh

- A. kí sinh trùng.
- B. truyền nhiễm.
- C. sinh sản.
- D. nội khoa.

Câu 3: Thời kì ủ bệnh của bệnh cầu trùng gà kéo dài

- A. từ 1 – 2 ngày.
- B. từ 2 – 4 ngày.
- C. từ 4 – 6 ngày.
- D. từ 6 – 10 ngày.

Câu 4: Câu nào sau đây đúng về bệnh cúm gia cầm?

- A. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%.
- B. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc.
- C. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%.
- D. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc.

Câu 5: Câu nào sau đây là biểu hiện ban đầu của bệnh cầu trùng gà?

- A. Xác gầy, ướm, thiếu máu; manh tràng và ruột non xuất huyết tràn lan và chứa nhiều máu.
- B. Con vật gầy rộc, thiếu máu, mào, da nhợt nhạt, xù lông, sã cánh, mắt nhắm nghiền, bỏ ăn, chết do mất máu và kiệt sức.
- C. Phân chuyển sang dạng sấp nâu, phân sống, lẫn máu và cuối cùng phân toàn máu.
- D. Gà uống nhiều nước, tiêu chảy với phân chứa thức ăn không tiêu.

Câu 6: Vì sao bệnh cầu trùng gà rất nguy hiểm đối với ngành chăn nuôi gia cầm?

- A. Vì nó có thể làm cho giống gà đờ suy giảm về tính chất, thậm chí là tuyệt chủng.
- B. Vì nó có thể lây lan rộng và gây thiệt hại lớn về kinh tế.
- C. Vì nó rất dễ lây nhiễm sang người và khiến người bị nhiễm chết nhanh chóng
- D. Vì nó rất dễ lây nhiễm sang gia súc và khiến chúng bị nhiễm chết nhanh chóng .

Câu 7: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu, bò là

- A. vi khuẩn Gram dương Pasteurella.
- B. vi khuẩn Gram dương Peptidoglycan.
- C. vi khuẩn Gram âm Pasteurella.
- D. vi khuẩn Gram âm Peptidoglycan.

Câu 8: Cần tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò mỗi năm bao nhiêu lần?

- A. 2 lần.
- B. 1 lần.
- C. 3 lần.
- D. 4 lần.

Câu 9: Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu, bò là gì?

- A. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết.
- B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể.
- C. Gây xuất huyết ở mọi bộ phận trên cơ thể.
- D. Chân thâm tím, xuất huyết.

Câu 10: Câu nào sau đây **không** phải biện pháp trị bệnh viêm vú ở trâu, bò?

- A. Dùng cao tiêu viêm xoa vào bầu vú bị viêm.
- B. Dùng thuốc đặc trị viêm vú bơm vào bầu vú qua lỗ tiết sữa.
- C. Tiêm vitamin B1 và cafein vào bắp thịt con vật.
- D. Sử dụng các loại thuốc kháng sinh liều cao để cho trâu, bò uống.

Câu 11: Câu nào sau đây **không** phải là biểu hiện của bệnh viêm vú ở trâu, bò?

- A. Bầu vú sưng, nóng, đỏ.
- B. Sản lượng sữa giảm hoặc mất hẳn.
- C. Sữa có mùi hôi, chuyển dần sang màu đen.
- D. Con vật đau đớn nên không cho con bú, không cho vắt sữa.

Câu 12: Trâu, bò bị nhiễm bệnh tiên mao trùng thông qua vật trung gian truyền bệnh là

- A. các loại ruồi trâu hút máu.
- B. các loại châu chấu, sâu bọ.
- C. các loại thức ăn không hợp vệ sinh.
- D. các loại cỏ đồng.

Câu 13: Bệnh tiên mao trùng thường xảy ra vào thời gian nào?

- A. Các tháng nóng ẩm, mưa nhiều.
- B. Các tháng lạnh lẽo, khô ráo.
- C. Các tháng nắng nóng, hanh khô.
- D. Các tháng mưa phùn, giá rét.

Câu 14: Ở thể cấp tính của bệnh tiên mao trùng, con vật có biểu hiện như thế nào?

- A. Con vật sốt gián đoạn (ngày sốt, ngày không).
- B. Thiếu máu suy nhược kéo dài, có thể chết hàng loạt.
- C. Thường sốt cao, rối loạn thần kinh và chết nhanh.
- D. Da bị bong tróc, lở loét, chân co màu tím tái.

Câu 15: Chọn đáp án đúng về nguyên nhân gây nên bệnh chướng hơi dạ cỏ ở trâu, bò.

- A. Môi trường không khí không trong lành, chứa nhiều hạt vi bụi.
- B. Con vật ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi hoặc thức ăn bị nhiễm chất độc acid sulfuric hữu cơ.
- C. Con vật ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi hoặc thức ăn bị nhiễm chất độc phosphorus hữu cơ.
- D. Con vật ăn quá nhiều thức ăn khó lên men hoặc thức ăn bị nhiễm chất độc phosphorus hữu cơ.

Câu 16: Câu nào sau đây **không** đúng khi nói về biện pháp phòng và trị bệnh chướng hơi dạ cỏ ở trâu, bò?

- A. Tránh cho con vật ăn quá nhiều các loại thức ăn dễ lên men sinh hơi.
- B. Khi phát hiện bệnh thì cần báo bác sĩ thú y để được tư vấn điều trị kịp thời.
- C. Một số cách điều trị: Cho con vật nằm kê cao đầu; dùng rơm, cỏ khô chà xát vào vùng hõm hông bên trái; dùng tay kéo lưỡi con vật theo nhịp thở, có thể móc bớt phân ở trực tràng.
- D. Bệnh này tuy nhẹ nhưng tuyệt đối không được sử dụng các bài thuốc đông y, dễ gây phản tác dụng.

Câu 17: Phương pháp PCR là

- A. một kỹ thuật khống chế hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến.
- B. một kỹ thuật biến đổi hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến.
- C. một kỹ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị nguyên tử được ứng dụng phổ biến.
- D. một kỹ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị phân tử được ứng dụng phổ biến.

Câu 18: Câu nào sau đây **không** phải một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

- A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi.
- B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi.
- C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi.
- D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại.

Câu 19: Câu nào sau đây **không** phải là công nghệ mới ứng dụng trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi?

- A. Công nghệ vaccine tái tổ hợp.
- B. Kỹ thuật tạo giống virus trao đổi gene.
- C. Sử dụng virus vector.
- D. Công nghệ nuôi cấy hạt phấn invitro.

Câu 20: Câu nào sau đây **không** phải ưu điểm của phương pháp PCR?

- A. Cho kết quả nhanh.
- B. Độ nhạy cao.
- C. Thao tác đơn giản.
- D. Độ chính xác cao.

Câu 21: Ngày nay, PCR được ứng dụng rộng rãi trong xét nghiệm chẩn đoán bệnh cho vật nuôi, nhất là các bệnh do

- A. vi khuẩn Gram âm.
- B. virus và vi khuẩn.
- C. vi khuẩn Gram dương.
- D. các loại virus.

Câu 22: Vì sao kháng sinh sản xuất theo phương pháp hiện đại được tạo ra nhanh, nhiều, đồng đều với giá thành thấp hơn so với phương pháp truyền thống?

- A. Vì mỗi đơn vị kháng sinh được chăm chút tỉ mỉ, có sự kiểm soát của con người.
- B. Vì kháng sinh được sản xuất ở quy mô công nghiệp trong hệ thống lên men liên tục.
- C. Vì các loại vi sinh vật để sản xuất kháng sinh hiện đại có sự tương thích cao hơn hẳn các loại vi sinh vật để sản xuất kháng sinh theo phương pháp truyền thống.
- D. Vì kháng sinh được sản xuất ở quy mô công nghiệp trong hệ thống lên men không liên tục.

Câu 23: Câu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm kiểu chuồng kín – hở linh hoạt?

- A. Là kiểu chuồng kín không hoàn toàn.
- B. Các dãy chuồng được thiết kế hở hai bên với hệ thống bạt che hoặc hệ thống cửa đóng mở linh hoạt.
- C. Cuối dãy chuồng có hệ thống làm mát và quạt thông gió.
- D. Khi thời tiết thuận lợi hay bất lợi chuồng đều được vận hành như chuồng kín.

Câu 24: Câu nào sau đây **không** đúng về yêu cầu làm mái chuồng nuôi gia súc, gia cầm?

- A. Mái cần làm cao 3 – 4m để đảm bảo thông thoáng.
- B. Mái nên sử dụng vật liệu cách nhiệt (tôn lạnh, tôn kẽm,...) giúp chống nóng.
- C. Mái có độ dốc 30 – 40% để tránh đọng nước.
- D. Kiểu mái chuồng phổ biến nhất là 3 mái.

Câu 25: Các loại máng ăn, máng uống thông dụng đối với gà nuôi nền gồm

- A. máng ăn tự động và núm uống tự động.
- B. máng dài chia ô và núm uống nhỏ giọt.
- C. máng tròn chia ô và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động.
- D. hệ thống cung cấp máng ăn cố định và núm uống tự động.

Câu 26: Chuồng nuôi bò được thiết kế theo kiểu

- A. chuồng kín hai dãy.
- B. chuồng hở có một hoặc hai dãy.
- C. chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy.
- D. phối kết hợp cả chuồng kín hai dãy và chuồng hở một dãy.

Câu 27: Điểm khác biệt giữa thiết kế chuồng gà đẻ nuôi lồng và chuồng gà nuôi nền là

- A. hệ thống vệ sinh.
- B. hệ thống lồng nuôi.
- C. hệ thống tản nhiệt.
- D. hệ thống cung cấp thức ăn.

Câu 28: Diện tích mỗi ô của chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp là

- A. 5 m²/con.
- B. 2 m²/con.
- C. 0,7 m²/con.
- D. 0,25 m²/con.

Câu 29: Chọn câu đúng về yêu cầu kỹ thuật xây dựng chuồng bò.

- A. Được thiết kế theo kiểu chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy.
- B. Nền chuồng phải cao hơn mặt đất 70 – 80 cm.
- C. Trong chuồng nên chia ô cá thể để bò tranh giành thức ăn hay húc nhau.
- D. Rãnh thoát nước tiểu, phân được bố trí ngay tại nơi con vật đứng.

Câu 30: “Chuồng thường được chia ô hoặc sử dụng cũi để tránh mẹ đẻ con khi nằm...”. Đây là yêu cầu kỹ thuật của loại chuồng nào?

- A. Chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp.
- B. Chuồng nuôi lợn nái đẻ và nuôi con.
- C. Chuồng gà nuôi nền.
- D. Chuồng gà đẻ nuôi lồng.

Câu 31: Cho các thông tin sau:

- (1) Chọn nơi có giao thông thuận tiện.
- (2) Chọn vị trí cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, xa khu dân cư, chợ, trường học,...
- (3) Chọn vị trí ở trung tâm các thành phố để dễ dàng chứng minh chất lượng của chuồng nuôi.
- (4) Chọn vị trí ở xa trung tâm các thành phố, giao thông không thuận tiện.

Thông tin **đúng** về yêu cầu về vị trí, địa điểm xây dựng chuồng nuôi gia súc, gia cầm là

- A. (1) và (2).
- B. (1) và (3).
- C. (1) và (4).
- D. (2) và (3).

Câu 32: Cho các thông tin sau:

- (1) Giúp người chăn nuôi dễ dàng kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi (ví dụ cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, khí độc H₂S, NH₃, CO,...).
- (2) Kiểm soát sức khỏe vật nuôi (cảm biến đo thân nhiệt bò, tần số hô hấp,...)
- (3) Kiểm soát chất lượng sản phẩm chăn nuôi (cảm biến đo sản lượng sữa, hàm lượng mỡ sữa,...).
- (4) Kiểm soát người lạ ra vào chuồng nuôi nhằm hạn chế dịch bệnh.

Thông tin đúng về mục đích của hệ thống cảm biến được sử dụng trong chuồng nuôi bò hiện đại là

- A. (1), (2), (3).
- B. (1), (2), (4).
- C. (2), (3), (4).
- D. (1), (3), (4).

Câu 33: Câu nào sau đây **không** đúng về kỹ thuật chăm sóc lợn thịt?

- A. Lợn con sau khi cai sữa sẽ được ở cùng lợn mẹ và lợn cha để tiện nuôi dưỡng, chăm sóc.
- B. Khi phân đàn, cần đảm bảo khối lượng lợn trong cùng một lô không nên chênh lệch quá nhiều.
- C. Vệ sinh và khử trùng chuồng trại cần thực hiện trong suốt quá trình nuôi.

D. Tiêm vaccine phòng các bệnh: dịch tả lợn cổ điển, lở mồm long móng, tai xanh,...

Câu 34: Câu nào sau đây **không** đúng về chăm sóc lợn nái và lợn con sau sinh?

A. Kiểm tra sót nhau ở lợn mẹ.

B. Cho lợn con bú sữa đầu trong 16 giờ sau sinh (con nhỏ bú trước).

C. Tiêm sắt cho lợn con trong 1 – 3 ngày tuổi.

D. Cai sữa cho lợn con sau vài ngày tuổi.

Câu 35: Đối với lợn thịt có khối lượng 10 – 35 kg thì mật độ nuôi là bao nhiêu?

A. 0.4 – 0.5 m²/con.

B. 0.7 – 0.8 m²/con.

C. 1.4 – 1.5 m²/con.

D. 1.7 – 1.8 m²/con.

Câu 36: Hàm lượng Ca trong khẩu phần ăn khi nuôi dưỡng, chăm sóc bò giai đoạn sinh trưởng là bao nhiêu?

A. 0.3 – 0.6 %.

B. 1.3 – 1.6 %.

C. 3.3 – 3.6 %.

D. 3 – 6 %.

Câu 37: Quy trình nuôi gà thịt công nghiệp, nhiệt độ quay úm cho gà 1 - 7 ngày tuổi là

A. 32 - 34 °C.

B. 40 - 50 °C

C. B. 35 - 45 °C

B. 20 - 25 °C

Câu 38: Mật độ gà nuôi thịt công nghiệp là

A. 8 – 10 con/m².

B. 18 – 20 con/m².

C. 10 – 15 con/m².

D. 2 – 3 con/m².

Câu 39: Quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc bò thịt, cho bê vận động tự do dưới ánh nắng trong thời tiết nắng ấm để có đủ

A. vitamin D giúp chắc xương.

B. vitamin E giúp chắc xương.

C. protein giúp chắc xương.

D. vitamin A giúp chắc xương.

Câu 40: Câu nào sau đây **không** đúng về việc nuôi dưỡng, chăm sóc bò giai đoạn vỗ béo?

A. Sử dụng khẩu phần ăn 60 – 70% thức ăn tinh và 30 – 40% thức ăn thô, xanh.

B. Cuối giai đoạn này bò bắt đầu tích lũy mỡ, vì vậy không nên kéo dài thời gian nuôi.

C. Giai đoạn vỗ béo, protein khẩu phần giảm xuống trung bình 9%.

D. Tiêm vaccine phòng các bệnh: chướng hơi dạ cỏ, tụ huyết trùng, bại liệt, 5 lần/năm.

Câu 41: Câu nào sau đây **không** đúng về kỹ thuật nuôi dưỡng lợn nái?

A. Giai đoạn mang thai từ 1 đến 90 ngày: khẩu phần ăn 1,8 – 2,2 kg/con/ngày.

B. Giai đoạn từ 91 đến 107 ngày tăng lượng thức ăn lên 2,5 – 3 kg/con/ngày.

C. Giai đoạn chữa kì cuối từ 108 ngày đến lúc đẻ cần tăng lượng thức ăn lên 5,5 kg/con/ngày.

D. Trong thời gian chữa nên cho nái ăn thêm cỏ, rau xanh để chống táo bón.

Câu 42: Câu nào sau đây **không** đúng trong quy trình nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả?

A. Gà được chăn thả tự do khi thời tiết thuận lợi, có nắng ấm.

B. Chuồng nuôi được thiết kế kiểu chuồng kín có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi.

C. Gà con mới nở được úm đến 5 tuần tuổi.

D. Tiêm vaccine phòng các bệnh: ND, Gumboro, đậu gà, tụ huyết trùng...

Câu 43: Câu nào sau đây **không** đúng về chuồng nuôi lợn áp dụng công nghệ cao?

A. Chuồng nuôi được lợp mái tôn kèm hoặc tôn lạnh cách nhiệt.

B. Một đầu dây chuồng có hệ thống giàn lạnh gồm các tấm làm mát, nước chảy trong hệ thống này giúp không khí được làm mát trước khi đi vào chuồng.

C. Đầu kia của dây chuồng được bố trí hệ thống quạt gió công nghiệp để thổi khí nóng, O₂ trong chuồng ra ngoài.

D. Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động giúp duy trì nhiệt độ chuồng nuôi luôn ổn định ở mức 20-27°C.

Câu 44: Chăn nuôi công nghệ cao là

A. mô hình chăn nuôi đáp ứng đủ mọi quy chuẩn của Cách mạng công nghiệp 4.0.

B. mô hình chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, máy móc hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm nhân công lao động.

C. yếu tố nền tảng của xây dựng một đất nước có sự tự chủ cao, không lo ràng buộc với các nước trên thế giới.

D. mô hình chăn nuôi được lắp đặt một số thiết bị hiện đại để giảm nhân công lao động.

Câu 45: Trong chuồng nuôi lợn áp dụng công nghệ cao, các thông tin về tiểu khí hậu chuồng nuôi (nhiệt độ, độ ẩm, bụi,...), thông tin về đàn lợn (giống, tình trạng sức khỏe, năng suất, dịch bệnh,...) được giám sát nhờ

- A. hệ thống camera và hệ thống khử trùng tự động.
- B. hệ thống camera và các thiết bị cảm biến trong chuồng nuôi.
- C. hệ thống cách âm và hệ thống khử trùng tự động.
- D. hệ thống máy tính và hệ thống quạt gió.

Câu 46: Câu nào sau đây **không** đúng về lợi ích của chăn nuôi công nghệ cao?

- A. Giúp thuận tiện trong quản lý vật nuôi.
- B. Giúp thuận tiện trong kiểm soát chất lượng sản phẩm.
- C. Dễ dàng truy xuất nguồn gốc.
- D. Tạo thêm việc làm cho nhiều người dân lao động phổ thông.

Câu 47: Câu nào sau đây **không** đúng về nguyên lý hoạt động của hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa?

- A. Khởi động hệ thống cảm biến để tạo ra luồng khí CO₂ kích hoạt quá trình hút sữa.
- B. Đưa bò vào nhà vắt sữa. Mỗi con bò có một chip cảm biến ở cổ giúp hệ thống nhận diện và thu thập thông tin cá nhân. Bò sữa được vệ sinh bầu vú trước khi vắt sữa.
- C. Gắn các đầu núm hút sữa vào vú bò. Sữa sau khi vắt sẽ được thu gom qua hệ thống ống dẫn vào các bồn chứa lạnh để bảo quản. Sữa từ bồn chứa lạnh sẽ được bơm vào các xe bồn lạnh và được vận chuyển tới nhà máy chế biến.
- D. Khi phát hiện bò hết sữa, thiết bị sẽ tự tách cụm núm hút sữa ra và kết thúc quá trình vắt sữa.

Câu 48: Câu nào sau đây **không** đúng về vai trò và nguyên lý hoạt động của hệ thống cung cấp thức ăn trong mô hình nuôi lợn công nghệ cao?

- A. Thức ăn được bảo quản trong kho silo.
- B. Thức ăn từ silo theo hệ thống đường truyền vít tải, xích tải đến hộp định lượng thức ăn ở cuối đường truyền.
- C. Thức ăn được cấp từ hộp định lượng xuống máng ăn.
- D. Hộp nhận silo được gắn cảm biến, giúp đẩy thức ăn chảy ra máng ăn nhanh hơn.

Câu 49: Trong chăn nuôi lợn công nghệ cao, công nghệ nào được ứng dụng trong xây dựng kiểu chuồng kín có hệ thống kiểm soát tiêu khí hậu tự động và chế tạo các trang thiết bị chăn nuôi như hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống?

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------------|
| A. Công nghệ AI. | B. Công nghệ HyperFrame. |
| C. Công nghệ cơ khí tự động hoá. | D. Công nghệ chuồng nuôi tự động. |

Câu 50: Ở trong chuồng nuôi bò sữa hiện đại, nền chuồng được trải các tấm cao su lót sàn giúp

- A. vệ sinh dễ dàng và tránh trơn trượt.
- B. hấp thu độ ẩm, tránh thoát khí độc ra môi trường.
- C. không chế lượng rác thải do bò tạo ra.
- D. tản nhiệt làm mát cho vật nuôi.

Câu 51: Ở mô hình chăn nuôi gà đẻ công nghệ cao, gà được nuôi tập trung trong

- A. chuồng kín có hệ thống kiểm soát nhiệt độ tự động và hệ thống camera giám sát
- B. chuồng kín có hệ thống biến đổi tiêu khí hậu và hệ thống cảm biến
- C. chuồng hở có hệ thống lưu thông gió và hệ thống camera giám sát
- D. chuồng hở có hệ thống cảm biến tác động môi trường xung quanh

Câu 52: Chăn nuôi công nghệ cao được ứng dụng phổ biến trong

- A. chăn nuôi tập trung công nghiệp, quy mô lớn.
- B. chăn nuôi quy mô nhỏ nhưng đòi hỏi sự chính xác cao.
- C. chăn nuôi kiểu hợp tác xã.
- D. chăn nuôi nhỏ lẻ vì dễ dàng lắp đặt máy móc.

Câu 53: Khu vực vắt sữa ở chuồng nuôi bò sữa công nghệ cao được thiết kế

- A. tách riêng với khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn.
- B. trong cùng khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn.
- C. trong cùng khu vực nuôi bò và bán khép kín.
- D. tách riêng với khu vực nuôi bò và bán khép kín.

Câu 54: Câu nào sau đây **không** đúng về chuồng nuôi bò sữa áp dụng công nghệ cao?

- A. Bò sữa được nuôi trong hệ thống chuồng nửa kín nửa hở nằm dãy có hệ thống thay đổi tiêu khí hậu chuồng nuôi.
- B. Hệ thống làm mát tự động được lập trình dựa vào các cảm biến khí hậu trong và ngoài chuồng nuôi.

- C. Mỗi con bò được gắn chip điện tử để kiểm soát tình trạng sức khỏe, phát hiện động dục ở bò cái.
D. Khu vực vắt sữa tách riêng với khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn.

Câu 55: Hệ thống cung cấp thức ăn tự động cho lợn và gia cầm gồm các thiết bị chính sau:

- | | |
|-------------------------------|--|
| (1) Silo chứa thức ăn; | (2) Mô tơ đường truyền xích đĩa, vít tải; |
| (3) Đường dẫn truyền thức ăn; | (4) Phễu nhận thức ăn và hộp định lượng thức ăn; |
| (5) Túi đựng nước uống | (6) Cảm biến định lượng thức ăn; |
| (7) Máng ăn. | (8) Bộ phận nấu chín thức ăn. |

Đáp án đúng là

- | | |
|----------------------------------|----------------------------------|
| A. (1), (2), (3), (4), (6), (7). | B. (1), (2), (4), (5), (7), (8) |
| C. (2), (3), (4), (5), (6), (8). | D. (1), (3), (5), (6), (7), (8). |

Câu 56: Quy trình quản lý chung chuồng nuôi gồm các bước:

- (1) Đưa ra cảnh báo cho người chăn nuôi.
- (2) Hệ thống cảm biến, camera giám sát thu thập các thông tin về tiểu khí hậu chuồng nuôi, vật nuôi và hoạt động của các trang thiết bị trong chuồng nuôi;
- (3) Thông tin về vật nuôi (giống, ngày nhập/xuất,...) được cập nhật và quản lý bằng hệ thống phần mềm máy tính;
- (4) Thông tin được chuyển về hệ thống máy tính trung tâm (máy tính nội bộ) và được phân tích, đánh giá bằng các phần mềm quản lý chuyên nghiệp;

Thứ tự đúng của các bước trong quy trình là

- | | |
|-------------------|-------------------|
| A. 3 – 2 – 4 – 1. | B. 1 – 2 – 3 – 4. |
| C. 2 – 1 – 3 – 4. | D. 4 – 3 – 2 – 1. |

Câu 57: Theo tiêu chuẩn VietGAP, chuồng trại phải được thiết kế phù hợp với

- A. mục đích sản xuất, cơ chế vận hành nhà máy, khả năng tài chính.
- B. từng lứa tuổi, đối tượng vật nuôi và mục đích sản xuất.
- C. đối tượng vật nuôi, quy mô sản xuất và tình trạng của thị trường.
- D. từng giai đoạn sinh trưởng của vật nuôi.

Câu 58: Theo tiêu chuẩn VietGAP, con giống được lựa chọn phải

- | | |
|-------------------------------------|---|
| (1) phù hợp với mục đích chăn nuôi. | (2) có nguồn gốc rõ ràng. |
| (3) có kích thước thật lớn. | (4) có các đặc tính di truyền tốt và khỏe mạnh. |

Đáp án đúng là

- | | | | |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| A. (1), (2), (4). | B. (1), (2), (3). | C. (1), (3), (4). | D. (2), (3), (4). |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|

Câu 59: Theo tiêu chuẩn VietGAP, ý nào sau đây **không** đúng về yêu cầu khi xây dựng chuồng nuôi?

- A. Sàn và lối đi được làm bằng vật liệu an toàn, không trơn trượt.
- B. Hệ thống tường, mái, rèm che phải đảm bảo không bị dột, thấm, không bị mưa hắt, gió lùa và dễ làm vệ sinh.
- C. Xây dựng hệ thống cung cấp thức ăn và nước uống không dễ cho vật nuôi tiếp cận được nhằm cải thiện khả năng vận động.
- D. Dụng cụ, thiết bị phải dùng riêng cho từng khu chăn nuôi, phải đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, khử trùng.

Câu 60: Các quy định về lựa chọn địa điểm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP có tác dụng gì?

- A. Giúp các trang trại có thể dễ dàng vận chuyển vật nuôi ra, vào trang trại.
- B. Giúp các trang trại tạo dựng mối quan hệ tốt với cộng đồng dân cư và các quan chức địa phương.
- C. Giúp các trang trại dễ kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo về an toàn sinh học và tôn trọng cộng đồng.
- D. Giúp các trang trại dễ kiểm soát người ra vào, nhằm tránh lây lan bệnh dịch.

Câu 61: Phương thức quản lý "cùng vào - cùng ra" theo thứ tự ưu tiên nào sau đây?

- A. Cả khu → từng chuồng → từng dãy chuồng → từng ô
- B. Từng ô → từng chuồng → từng dãy chuồng → cả khu
- C. Cả khu → từng dãy chuồng → từng chuồng → từng ô
- D. Từng ô → từng dãy chuồng → từng chuồng → cả khu

Câu 62: Theo tiêu chuẩn VietGAP, ý nào sau đây đúng về yêu cầu khi xây dựng khu chăn nuôi?

- A. Phải có tường hoặc hàng rào bao quanh, cổng ra vào có hố khử trùng.
- B. Bố trí xen kẽ giữa các khu ở của người và vật nuôi, để thuận tiện cho việc chăm sóc vật nuôi.
- C. Phải đảm bảo năng suất và chất lượng mỗi khi vật nuôi được xuất chuồng.
- D. Giữa các ô nhốt vật nuôi phải có cửa thông nhau để vật nuôi có thể di chuyển qua lại dễ dàng.

Câu 63: Câu nào sau đây **không** đúng về việc chuẩn bị con giống theo tiêu chuẩn VietGAP?

- A. Nhập con giống cần tuân thủ các quy định gồm: giấy kiểm dịch, có công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo, có quy trình chăn nuôi cho từng giống.
- B. Giống mới không được cách li, cần nuôi cùng với giống cũ để hoà nhập ngay.
- C. Giống vật nuôi được đánh dấu để quản lý.
- D. Áp dụng phương thức quản lý “cùng vào – cùng ra”.

Câu 64: Câu nào sau đây **không** đúng yêu cầu quản lý dịch bệnh đối với một trang trại theo tiêu chuẩn VietGAP?

- A. Phải có quy trình phòng bệnh phù hợp với từng đối tượng nuôi.
- B. Có nguồn cung tài chính từ các công ty lớn cùng ngành.
- C. Có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng.
- D. Có bác sĩ thú y theo dõi sức khỏe vật nuôi.

Câu 65: Bước đầu tiên trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì?

- A. Chuẩn bị con giống.
- B. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi.
- C. Chuẩn bị hồ sơ lưu trữ.
- D. Chuẩn bị công tác kiểm tra, đánh giá.

Câu 66: Bước cuối cùng trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì?

- A. Nuôi dưỡng và chăm sóc.
- B. Quản lý dịch bệnh.
- C. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường.
- D. Lưu trữ hồ sơ – kiểm tra nội bộ.

Câu 67: Theo tiêu chuẩn VietGAP, vật nuôi được chăm sóc theo quy trình phù hợp với

- A. nhu cầu của thị trường và khả năng đáp ứng của trang trại.
- B. năng lực của nhân viên và thiết bị máy móc.
- C. đặc điểm sinh lý và từng giai đoạn sinh trưởng.
- D. khả năng tài chính của chủ trang trại.

Câu 68: Thực hiện kiểm tra nội bộ mỗi năm một lần bao gồm

- A. thu thập những kết quả tốt và loại bỏ những điểm chưa đạt.
- B. đánh giá hồ sơ lưu trữ và đánh giá hoạt động thực tế của trang trại.
- C. công tác làm việc với các bộ ngành liên quan và hoạt động tìm hiểu thị trường.
- D. đánh giá mức độ tiêu thụ thức ăn và tạo ra sản phẩm của vật nuôi.

Câu 69: Lập hồ sơ để ghi chép, theo dõi, lưu trữ thông tin trong suốt quá trình chăn nuôi, từ khâu nhập giống đến xuất bán sản phẩm **không** nhằm phục vụ cho hoạt động

- A. kiểm tra nội bộ.
- B. đánh giá ngoài.
- C. truy xuất nguồn gốc.
- D. ngăn chặn khiếu nại.

Câu 70: Theo tiêu chuẩn VietGAP, câu nào sau đây **không** đúng về yêu cầu khi nuôi dưỡng?

- A. Cung cấp khẩu phần ăn đầy đủ dinh dưỡng theo tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của từng loại vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng.
- B. Thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, sạch, an toàn, không chứa độc tố nấm mốc, vi sinh vật có hại, kháng sinh và chất cấm.
- C. Nước uống được cung cấp đầy đủ và đạt tiêu chuẩn vệ sinh.
- D. Định kỳ phun thuốc khử trùng, phát quang bụi rậm.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi?

Câu 2: Vaccine và thuốc có thể được dùng để phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu, bò như thế nào?

Câu 3: Theo em, việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi lợn có những thuận lợi và khó khăn gì?

Câu 4: Theo em, hệ thống thu trứng tự động trong chăn nuôi gà đẻ có ưu – nhược điểm gì?

Câu 5: Giả sử em chuẩn bị chăn nuôi gà đẻ trứng với quy mô trang trại, em sẽ lựa chọn địa điểm xây dựng trang trại như thế nào?

Câu 6: Giả sử em chuẩn bị chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP, em sẽ lựa chọn và quản lý giống vật nuôi như thế nào?